



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, ĐỊNH GIÁ, TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04 2670 491/492/493 • Fax: 04 2670 494 • E-mail: vae_co@vietel.com.vn

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 04 năm 2008

2038
11/4/08

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2007 đến 31/12/2007



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đăng Tuấn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 01/01 đến 31/12/2007.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103000592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/11/2001. Ngày 08/03/2002, Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội khởi công xây dựng Nhà máy Chế biến Sữa Hà nội tại địa bàn xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc dưới hình thức Chi nhánh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 1913000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19/03/2002. Ngày 05/05/2006, Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội đã chuyển cơ sở kinh doanh từ Thành phố Hà Nội về Tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lại lần 1 số 1903000210 ngày 05/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26/02/2002;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/04/2002;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 23/03/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 03/08/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 22/12/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 22/02/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 14/06/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 25/07/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 29/11/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 07/12/2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 12 năm 2007 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỉ đồng chẵn).

Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh 1: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 201, Lầu 2, Toà nhà Sài Gòn House, Số 386 - 388 Phố Hoàng Diệu, Phường 5, Quận 4, TP Hồ Chí Minh.

Chi nhánh 2: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 201, nhà C1, Làng Quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất và buôn bán: sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến các sản phẩm nông sản, các loại nước uống, nước trái cây;
- Buôn bán nguyên liệu, thiết bị vật tư và sản phẩm ngành sữa, ngành chế biến thực phẩm;
- Tư vấn đầu tư nông, công nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, siêu thị;
- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến thủy sản;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật hệ trung học và cao đẳng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu đồ dùng cá nhân và gia đình, vật phẩm quảng cáo, tranh ảnh, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự an toàn xã hội), máy móc, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Đại lý mua bán và ký gửi hàng hoá.

Địa chỉ: Km9, Đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, Thôn Gia Trung, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Tel: (84-4) 8866 567 / 63

Fax: (84-4) 8866 564

Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01 đến 31/12/2007 và đến thời điểm lập Báo cáo tài chính bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đăng Tuấn	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Thịnh	Phó chủ tịch
Ông Đặng Xuân Tân	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Sầm	Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Len	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Lê Minh Tú	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đăng Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI



Trần Đăng Tuấn
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 01 năm 2008





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, ĐỊNH GIÁ, TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04.2670 491/492/493 * Fax: 04.2670 494 * E-mail: vae_co@viettel.com.vn

Số: 198/THH-VAE

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 được lập ngày 12/01/2008 của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội cho năm tài chính 2007:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.



Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt, 03 bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội giữ 04 bản tiếng Việt và 02 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Phạm Hùng Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

Địa chỉ: KCN Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
(84-04) 8 866 567 Fax: (84-04) 8 866 564

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2007

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2007

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2007	01/01/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		134.104.834.245	78.862.770.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.111.072.925	6.659.353.109
1. Tiền	111		15.111.072.925	6.659.353.109
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	36.356.120.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		36.356.120.000	-
III. Các khoản phải thu	130		40.942.222.193	21.605.750.265
1. Phải thu của khách hàng	131	VII.2	19.495.980.540	8.181.131.650
2. Trả trước cho người bán	132	VII.3	18.109.953.405	5.959.010.382
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.336.288.248	7.603.963.319
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(138.355.086)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	40.076.693.514	47.118.368.368
1. Hàng tồn kho	141		40.076.693.514	47.118.368.368
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.618.725.613	3.479.298.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VII.4	1.331.770.907	3.370.621.072
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.5	286.954.706	108.677.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		138.445.281.697	127.342.392.917
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		131.929.486.066	127.342.392.917
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	97.199.337.095	97.214.777.621
- Nguyên giá	222		137.669.883.562	125.146.501.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.470.546.467)	(27.931.723.735)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.6	23.408.125.667	29.373.435.472
- Nguyên giá	225		28.268.874.301	34.265.603.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.860.748.634)	(4.892.168.329)
3. TSCĐ vô hình	227	V.7	222.023.304	244.895.080
- Nguyên giá	228		321.289.821	287.848.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.266.517)	(42.953.863)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	11.100.000.000	509.284.744
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.290.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VII.6	3.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	3.290.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		225.795.631	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	225.795.631	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		272.550.115.942	206.205.163.031

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2007

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2007	01/01/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		98.519.392.072	87.924.170.441
I. Nợ ngắn hạn	310		90.284.187.272	66.671.664.354
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	78.468.109.439	55.162.395.088
2. Phải trả người bán	312	VII.7	5.845.970.733	7.596.701.006
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.8	548.216.231	433.425.852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.335.741.333	1.276.099.315
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.13	3.989.079.506	1.701.887.741
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	97.070.030	501.155.352
II. Nợ dài hạn	330		8.235.204.800	21.252.506.087
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	700.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	8.235.204.800	20.552.506.087
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		174.030.723.870	118.280.992.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	174.011.765.816	116.606.196.145
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	70.495.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		63.778.796.500	35.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.817.886.084	3.817.886.084
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.283.213.602	1.891.650.705
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.131.869.630	5.401.659.356
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		18.958.054	1.674.796.445
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		18.958.054	1.674.796.445
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		272.550.115.942	206.205.163.031

Quyển Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thu Huyền

Tông Giám đốc



Trần Đăng Tuấn

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 01 năm 2008
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2007	NĂM 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	336.921.895.556	332.278.574.121
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18	2.261.818.322	4.305.926.645
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	334.660.077.234	327.972.647.476
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	256.075.510.430	248.215.254.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		78.584.566.804	79.757.392.836
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	1.452.278.890	191.693.584
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	9.488.025.687	11.814.018.609
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		8.265.964.488	10.037.189.176
8. Chi phí bán hàng	24	VII.9	50.722.815.134	54.390.019.127
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.10	7.823.558.164	7.217.912.647
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		12.002.446.709	6.527.136.037
11. Thu nhập khác	31	VII.11	1.889.814.664	1.350.410.126
12. Chi phí khác	32	VII.12	762.216.091	617.531.443
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.127.598.573	732.878.683
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.130.045.282	7.260.014.720
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	1.130.093.908	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.999.951.374	7.260.014.720
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	1.657	1.486
19. Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang			5.401.659.356	16.782.692.425
20. Các khoản điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế			(12.269.741.100)	(18.641.047.789)
21. Lợi nhuận lũy kế			5.131.869.630	5.401.659.356

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 01 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

Quyển Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Hoàng Thị Thu Huyền

Trần Đăng Tuấn

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 <Theo phương pháp gián tiếp>
 Năm 2007

Đơn vị tính: VND

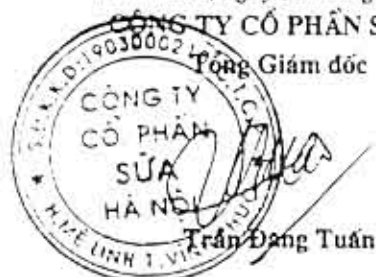
STT	CHỈ TIÊU	MS	NĂM 2007	NĂM 2006
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	13.130.045.282	7.260.014.720
2	Điều chỉnh cho các khoản		21.262.295.911	21.039.774.283
	- Khấu hao TSCĐ	02	12.676.476.518	11.266.066.553
	- Các khoản dự phòng	03	-	138.355.086
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(78.278.220)	(355.693.629)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	398.133.125	(46.142.903)
	- Chi phí lãi vay	06	8.265.964.488	10.037.189.176
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.392.341.193	28.299.789.003
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.045.308.273)	(1.980.046.919)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.041.674.854	44.830.570.674
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.376.770.950	(24.793.478.195)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.813.054.534	(3.211.124.604)
	- Tiến lãi vay đã trả	13	(8.265.964.488)	(10.037.189.176)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(933.039.674)	-
	- Tiến thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.416.106.737	2.574.823
	- Tiến chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.533.928.280)	(2.629.045.717)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.261.707.553	30.482.049.889
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(33.448.033.586)	(46.773.399.497)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	716.980.091	567.734.762
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.479.500.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3.123.380.000	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.290.000.000)	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	547.879.100	67.965.794
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(74.829.294.395)	(46.137.698.941)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	58.283.796.500	70.000.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(8.873.750.000)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	249.515.027.065	281.424.005.066
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(231.474.126.209)	(326.108.311.725)
5	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(7.694.568.918)	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.689.100.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	55.041.028.438	16.441.943.341
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	8.373.441.596	786.294.289
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.659.353.109	5.517.365.191
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	78.278.220	355.693.629
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	15.111.072.925	6.659.353.109

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 01 năm 2008

Quyển Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thu Huyền



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103000592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/11/2001. Ngày 08/03/2002, Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội khởi công xây dựng Nhà máy Chế biến Sữa Hà Nội tại địa bàn xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc dưới hình thức Chi nhánh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 1913000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19/03/2002. Ngày 05/05/2006, Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội đã chuyển cơ sở kinh doanh từ Thành phố Hà Nội về Tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lại lần 1 số 1903000210 ngày 05/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26/02/2002;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/04/2002;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 23/03/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 03/08/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 22/12/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 22/02/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 14/06/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 25/07/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 29/11/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 07/12/2007.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07/12/2007 thì vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận niêm yết và phát hành cổ phiếu ra công chúng. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HNM.

Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh 1: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 201, Lầu 2, Toà nhà Sài Gòn House, Số 386 – 388 Phố Hoàng Diệu, Phường 5, Quận 4, TP Hồ Chí Minh.

Chi nhánh 2: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 201, nhà C1, Làng Quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và buôn bán: sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến các sản phẩm nông sản, các loại nước uống, nước trái cây;
- Buôn bán nguyên liệu, thiết bị vật tư và sản phẩm ngành sữa, ngành chế biến thực phẩm;
- Tư vấn đầu tư nông, công nghiệp;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Nam 2007
(tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, siêu thị;
- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến thủy sản;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật hệ trung học và cao đẳng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu đồ dùng cá nhân và gia đình, vật phẩm quảng cáo, tranh ảnh, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự an toàn xã hội), máy móc, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Đại lý mua bán và ký gửi hàng hoá.

Trụ sở Công ty tại Km9 Đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, Thôn Gia Trung, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Tel: (84) 04 8 866 567/63 Fax: (84) 04 8 866 564

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Accnet. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

1028
QUẢN
SỐ NHÀ
ỀM
ĐINH
VIỆT
ĐINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền EUR, do Ngân hàng nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá hối đoái nên Công ty quy đổi qua USD là ngoại tệ có tỷ giá hối đoái với đồng Việt Nam để quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ EUR được quy đổi sang USD, sau đó được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2007 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2618
10 THAM
KEM HVA
TOAP
4 GIM
NA HA
- TF

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố định tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm các phần mềm quản lý, phần mềm kế toán bao gồm toàn bộ các chi phí Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được trích khấu hao theo đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003. Cụ thể các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thoả mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là các máy móc thiết bị phục vụ công tác chế biến sữa, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng với bên cho thuê, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian hữu dụng ước tính là 12 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua trái phiếu, cổ phiếu, hoặc ngày cho vay vốn.

Tại thời điểm 31/12/2007 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn và dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản chi phí quảng cáo, trung bày, hỗ trợ khách hàng được ghi nhận và đưa vào chi phí trong kỳ theo thực tế phát sinh.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm sữa, hàng hoá được chế biến từ sữa bò nguyên chất; Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán...

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông (Hội đồng thành viên), phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng bán trong nước, 0% đối với hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1786/CNUĐĐT do uỷ ban nhân dân tỉnh Vinh Phúc cấp ngày 02/08/2006. Nhà máy Chế biến sữa Hà Nội được miễn thuế thu nhập trong 3 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm thứ nhất Công ty Cổ phần sữa Hà Nội được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Tiền	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
1 Tiền mặt tại quỹ	64.669.666	12.233.975
Tiền mặt VND tại Văn phòng	64.669.666	12.233.975
2 Tiền gửi Ngân hàng	9.547.173.259	6.647.119.134
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Phúc Yên - Phòng giao dịch Quang Minh	7.529.135.380	4.700.471.656
VND	7.528.347.938	4.076.936.651
USD	532.407	512.280.365
EUR	255.035	111.254.640
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Sở giao dịch	3.945.397	904.824.757
VND	3.842.351	904.721.711
USD	103.046	103.046
Ngân hàng Hong Kong Thượng Hải - Chi nhánh Hà Nội	1.853.366.135	948.521.621
VND	1.853.366.135	948.521.621
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - Chi nhánh Vinh Phúc	773	2.552.450
VND	773	2.552.450
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	-	59.595.858
VND	-	59.595.858
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh Phúc	160.725.574	-
VND	160.725.574	-
Ngân hàng Công thương Đông Đa	-	8.252.821
VND	-	8.252.821

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh VND	-	22.899.971 22.899.971
3 Tiến đang chuyển	5.499.230.000	-
Tổng cộng	15.111.072.925	6.659.353.109
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	356.120.000	-
<i>Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí</i>	138.500.000	-
<i>Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu</i>	85.020.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>	132.600.000	-
Khoản cho vay có tính lãi	36.000.000.000	-
<i>Ông Trần Đăng Trung</i>	7.000.000.000	-
<i>Ông Đinh Văn Thịnh</i>	9.000.000.000	-
<i>Ông Đoàn Ngọc Huấn</i>	6.000.000.000	-
<i>Ông Đặng Anh Tuấn</i>	14.000.000.000	-
Tổng cộng	36.356.120.000	-
1. Các khoản phải thu khác	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH New Toyo Dynapac	-	12.597.300
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	153.438.992	210.344.625
Công ty TNHH Tetre Pak Indo - China	343.710.729	6.607.830.918
Công ty TNHH Thương mại Mỹ Hương	-	773.190.476
Thuế GTGT hàng trong nước	240.935.726	-
Phải thu khác	2.598.202.801	-
Tổng cộng	3.336.288.248	7.603.963.319
4. Hàng tồn kho	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
<i>Hàng mua đang đi đường</i>	-	8.329.619
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	28.600.684.134	34.280.139.378
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	4.316.303.553	3.949.817.547
<i>Thành phẩm</i>	7.020.842.200	8.525.367.414
<i>Hàng hoá</i>	137.673.062	354.714.410
<i>Hàng gửi bán</i>	1.190.565	-
Tổng cộng	40.076.693.514	47.118.368.368

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HHH khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2007	24.486.072.009	94.324.396.065	4.149.620.968	2.142.648.678	43.763.636	125.146.501.356
- Tăng trong năm	3.525.784.613	6.892.131.176	4.466.457.810	197.572.343	-	15.081.945.942
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(874.976.918)	-	-	(874.976.918)
- Giảm khác	(4.760.076)	(1.678.826.742)	-	-	-	(1.683.586.818)
Tại 31/12/2007	28.007.096.546	99.537.700.499	7.741.101.860	2.340.221.021	43.763.636	137.669.883.562
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2007	5.373.899.255	21.045.460.489	978.543.545	529.369.534	4.450.912	27.931.723.735
- Khấu hao trong năm	1.957.217.518	9.286.415.393	1.004.031.336	394.348.400	9.570.912	12.651.583.559
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(112.760.827)	-	-	(112.760.827)
- Tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2007	7.331.116.773	30.331.875.882	1.869.814.054	923.717.934	14.021.824	40.470.546.467
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2007	19.112.172.754	73.278.935.576	3.171.077.423	1.613.279.144	39.312.724	97.214.777.621
Tại 31/12/2007	20.675.979.773	69.205.824.617	5.871.287.806	1.416.503.087	29.741.812	97.199.337.095

* Giá trị TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại các Ngân hàng: 81.696.030.904 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Mấy móc thiết bị	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2007	34.265.603.801	34.265.603.801
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.996.729.500)	(5.996.729.500)
Số dư ngày 31/12/2007	28.268.874.301	28.268.874.301
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2007	4.892.168.329	4.892.168.329
- Khấu hao trong năm	2.099.372.879	2.099.372.879
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.130.792.574)	(2.130.792.574)
Số dư ngày 31/12/2007	4.860.748.634	4.860.748.634
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2007	29.373.435.472	29.373.435.472
Tại ngày 31/12/2007	23.408.125.667	23.408.125.667

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2007	287.848.943	287.848.943
- Mua trong năm	33.440.878	33.440.878
Số dư ngày 31/12/2007	321.289.821	321.289.821
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2007	42.953.863	42.953.863
- Khấu hao trong năm	56.312.654	56.312.654
Số dư ngày 31/12/2007	99.266.517	99.266.517
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2007	244.895.080	244.895.080
Tại ngày 31/12/2007	222.023.304	222.023.304

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chi phí thiết kế, lập hồ sơ mời thầu		509.284.744
Chi phí thuê đất xây dựng Nhà máy tại Bình Dương	11.100.000.000	
Tổng cộng	11.100.000.000	509.284.744

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

9. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND		
Công ty CP Bao bì Nhựa Đức Tấn - Sài Gòn	2.500.000.000	-		
Công ty CP Phát triển Hapro Thanh Hoa	750.000.000	-		
Ngân hàng TM CP Bảo Việt	40.000.000	-		
Tổng cộng	3.290.000.000	-		
10. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	225.795.631	-		
Phụ tùng thay thế	-	-		
Tổng cộng	225.795.631	-		
11. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	5.200.000.000	7.545.896.862		
Ngân hàng ĐT&PT VN - CN Phúc Yên - Phòng giao dịch Quang Minh	59.439.712.296	33.950.140.493		
Ngân hàng Hồng Kông - Thượng Hải - Chi nhánh Hà Nội	7.488.403.169	1.841.490.530		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Vĩnh Phúc	-	4.147.776.515		
Tetra Lavat Credit AB	6.339.993.974	7.677.090.688		
Tổng cộng	78.468.109.439	55.162.395.088		
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2007	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2007
Thuế GTGT	662.647.234	8.484.477.029	8.381.205.059	765.919.204
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	203.790.525	12.701.408.768	12.751.760.301	153.438.992
Thuế nhập khẩu	123.669.111	7.519.300.157	7.613.017.981	29.951.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.962.137	1.131.743.710	933.039.674	251.666.173
Thuế thu nhập cá nhân	233.030.308	363.782.095	462.046.726	134.765.677

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

Các loại thuế khác	-	174.274.855	174.274.855	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.276.099.315			1.335.741.333
3. Chi phí phải trả				
		31/12/2007	01/01/2007	
		VND	VND	
Tiền chi phí quảng cáo, trung bày, hỗ trợ khách hàng		3.989.079.506	1.701.887.741	
Tổng cộng		3.989.079.506	1.701.887.741	
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		31/12/2007	01/01/2007	
		VND	VND	
Tài sản thừa chờ giải quyết		28.966.054	-	
Kinh phí công đoàn		33.249.526	49.670.647	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế		17.800.430	196.335.039	
Các khoản phải trả, phải nộp khác		17.054.020	255.149.666	
Tổng cộng		97.070.030	501.155.352	
5. Vay và nợ dài hạn		31/12/2007	01/01/2007	
		VND	VND	
<i>Vay dài hạn</i>		5.002.122.430	11.577.840.173	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I		5.002.122.430	10.202.122.430	
Ngân hàng ĐT&PT VN - CN Phúc Yên - Phòng giao dịch Quang Minh		-	1.375.717.743	
<i>Nợ dài hạn</i>		3.233.082.370	8.974.665.914	
Tetra Laval Credit AB		3.233.082.370	8.974.665.914	
Tổng cộng		8.235.204.800	20.552.506.087	

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2006	35.495.000.000	-	16.782.692.425	52.277.692.425
- Tăng vốn trong năm trước	35.000.000.000	35.000.000.000	-	70.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	7.260.014.720	7.260.014.720

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2007
 (tiếp theo)

- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(18.641.047.789)	(18.641.047.789)
Số dư tại ngày 31/12/2006	70.495.000.000	35.000.000.000	5.401.659.356	110.896.659.356
- Tăng vốn trong năm nay	29.505.000.000	28.778.796.500	-	58.283.796.500
- Lãi trong năm nay	-	-	11.999.951.374	11.999.951.374
- Giảm khác	-	-	(12.269.741.100)	(12.269.741.100)
Số dư tại ngày 31/12/2007	100.000.000.000	63.778.796.500	5.131.869.630	168.910.666.130

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông	100.000.000.000	70.495.000.000
Tổng cộng	100.000.000.000	70.495.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	70.495.000.000
+ Vốn góp đầu năm	70.495.000.000	35.495.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	29.505.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	70.495.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.689.100.000	-

16.4 Cổ phiếu

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	7.049.500
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	10.000.000	7.049.500
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	7.049.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

16.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2007	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2007
Quỹ đầu tư phát triển	3.817.886.084	-	-	3.817.886.084
Quỹ dự phòng tài chính	1.891.650.705	-	(608.437.103)	1.283.213.602
Tổng cộng	1.891.650.705	-	(608.437.103)	1.283.213.602

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Doanh thu bán thành phẩm	238.647.254.185	322.328.230.724
Doanh thu bán nguyên vật liệu	82.898.284.326	9.804.057.099
Doanh thu bán hàng nội bộ	10.921.811.590	136.286.298
"Mặt trời sôi động"	-	10.000.000
Doanh thu bán bất động sản	4.454.545.455	-
Tổng cộng	336.921.895.556	332.278.574.121

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Hàng bán bị trả lại	2.261.818.322	4.305.926.645
Tổng cộng	2.261.818.322	4.305.926.645

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	236.385.435.863	318.022.304.079
Doanh thu thuần về bán nguyên vật liệu	82.898.284.326	9.804.057.099
Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	10.921.811.590	136.286.298
"Mặt trời sôi động"	-	10.000.000
Doanh thu thuần bán bất động sản	4.454.545.455	-
Cộng	334.660.077.234	327.972.647.476

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Giá vốn bán thành phẩm	163.510.415.690	237.844.370.310
Giá vốn bán nguyên vật liệu	77.079.156.150	10.234.392.553
Giá vốn bán hàng hoá	10.921.811.590	136.491.779
Giá vốn bán bất động sản	4.564.127.000	-
Tổng cộng	256.075.510.430	248.215.254.640

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Lãi tiền gửi	221.951.250	67.965.794
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	611.303.488	47.118.089
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	252.127.844	60.790.926
Lãi từ kinh doanh cổ phiếu	143.566.308	-
Doanh thu tài chính khác	223.330.000	15.818.775
Tổng cộng	1.452.278.890	191.693.584
22. Chi phí tài chính	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Chi phí lãi vay	8.265.964.488	10.037.189.176
Chênh lệch tỷ giá	793.953.074	1.776.829.433
Chi phí tài chính khác	428.108.125	-
Tổng cộng	9.488.025.687	11.814.018.609
23. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.130.093.908	-
Tổng cộng	1.130.093.908	-
24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.999.951.374	7.260.014.720
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.243.505	4.885.609
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.657	1.486

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2007
 (tiếp theo)

II. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan:

Quan hệ với Công ty	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
<i>Các khoản vay</i>		
Ông Đinh Văn Thịnh vay	10.500.000.000	-
Ông Đinh Văn Thịnh trả gốc vay	1.500.000.000	-
Ông Đặng Anh Tuấn vay	14.000.000.000	-
	<i>Phó CT HĐQT kiêm PTGD</i>	
	<i>Phó CT HĐQT kiêm PTGD</i>	
	<i>Phó Giám đốc kinh tế</i>	

1.2 Số dư với các bên liên quan

Quan hệ với Công ty	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
<i>Các khoản vay</i>		
Ông Đinh Văn Thịnh	9.000.000.000	-
Ông Đặng Anh Tuấn vay	14.000.000.000	-
	<i>Phó CT HĐQT kiêm PTGD</i>	
	<i>Phó Giám đốc kinh tế</i>	

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Doanh nghiệp tư nhân Chiến Loan	-	170.861.845
Cửa hàng Dung Hương	-	117.527.624
Công ty TNHH Du lịch và Đầu tư Việt Vương	183.970.427	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng H.L.G	122.794.775	122.794.775
Công ty Cổ phần Phát triển Phân phối Việt Nam	-	1.026.616.754
Trần Thị Dung	-	191.023.327
Nguyễn Văn Đại	-	146.528.525
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Đức Cường	103.082.705	-
Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp kinh doanh Quốc tế	-	1.211.565.259
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Miền Nam	730.000.000	-
Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam	144.000.000	-
Trung tâm Thương mại Intimex	159.630.982	-
Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành Phố	158.066.537	95.935.477TC
Công ty TNHH Metro Cash & carry Việt Nam	1.344.593.178	658.623.011 TH
Công ty Cổ phần Phát triển Phân phối Việt Nam	-	487.963.544
Công ty Xi măng Bút Sơn	185.003.300	68.129.200
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	252.960.000	202.752.000
Công ty Than Khe Chàm	359.184.000	372.432.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

Công ty Than Quang Hanh	373.776.000	122.880.000
Phan Thị Lan	400.000.000	168.960.000
Công ty Cổ phần Hoá chất Á Châu	4.513.035.527	-
Công ty TNHH Thương mại và CNTP Hoàng Lâm	2.885.545.340	-
Công ty TNHH C.M.T	2.607.504.434	-
Các đối tượng khác	4.972.833.335	3.016.538.309
Tổng cộng	19.495.980.540	8.181.131.650

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Công ty TNHH Sumec Complete Equipment & Engin	243.064.865	246.758.130
Công ty TNHH Quốc tế PS	6.882.426.369	-
Công ty TNHH Longcom	6.316.688.000	-
Công ty TNHH Tetre Pak Việt Nam	1.530.393.587	-
Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm Vihami	1.480.000.000	-
Công ty TNHH Shandong Mtsa International Food	930.583.500	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng NN&PT hạ tầng Hà Nội	-	107.677.925
DNTN Vàng bạc - Vận tải - Vật liệu xây dựng Thực Nhung	-	1.061.286.100
Tetra Pak Indo-China	-	1.189.923.923
Công ty TNHH Anh Anh & Công sự	-	177.241.770
Công ty CP Hội chợ quảng cáo thương mại Việt Mỹ	-	500.998.625
Công ty TNHH CTL	-	439.901.881
Công ty TNHH Thương mại Mỹ Hương	-	1.871.527.132
Công ty TNHH Luoyang Aojia	-	96.606.000
Các đối tượng khác	726.797.084	267.088.896
Tổng cộng	18.109.953.405	5.959.010.382

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chi phí tài trợ, quảng cáo	1.331.770.907	3.370.621.072
Tổng cộng	1.331.770.907	3.370.621.072

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
<i>Tam ứng</i>	262.554.706	108.677.300
Đình ích Dũng	30.000.000	-
Nguyễn Ngọc Lâm	-	30.000.000
Lương Mạnh Tuấn	10.000.000	-
Nguyễn Văn Đăng	-	7.000.000
Vũ Lan Phương	1.500.000	9.740.000
Ngô Trọng Hùng	10.000.000	-
Phạm Thị Hằng	-	28.400.000
Hồ Thị Bình	15.000.000	-
Trần Thu Thủy	19.180.000	-
Hà Huy Phong	30.000.000	-
Nguyễn Văn Hùng	10.000.000	-
Các đối tượng khác	136.874.706	33.537.300
<i>Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	24.400.000	-
Tổng cộng	286.954.706	108.677.300
6. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
	<i>Tỷ lệ phần trăm biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ phần trăm vốn</i>
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>		
Công ty CP Thiết bị và ôtô Việt Nam	30%	30%
	3.000.000.000	-
Tổng cộng	3.000.000.000	-
7. Phải trả người bán	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Công ty Trepko	-	1.387.365.000
Công ty TNHH Xây dựng Trung Thu	101.832.500	-
Công ty TNHH Bình Minh Tải - TPHCM	12.834.097	217.000.194
Công ty TNHH Vận tải ô tô Nội Thương Bắc	107.600	291.406.338
Công ty Tiến Phong	-	645.452.160
Công ty TNHH Bao bì AP (HN)	1.084.797.104	358.961.170

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
 (tiếp theo)

Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đổng cỏ Ba Vì	165.194.300	-
Công ty TNHH Tetra Pak Việt Nam	-	884.409.924
Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng không	-	123.272.600
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	381.827.611	-
Công ty TNHH TM và SX Ngọc Diệp	110.538.933	177.181.544
Công ty NZMP	-	1.358.434.930
Công ty TNHH TM Dịch vụ Nam Giang	124.007.587	90.280.091
Phạm Văn Kiên	213.856.875	97.950.580
Công ty TNHH New Toyo Dynapac	62.730.510	279.564.868
HTX Công nghiệp Tiến Bộ	107.844.000	139.019.100
Công ty Tetra Pak Indo - China	1.529.766.637	-
Công ty CP Sữa bò Tiên Phong	303.978.450	12.474.000
Các đối tượng khác	1.646.654.529	1.533.928.507
Tổng cộng	5.845.970.733	7.596.701.006
3. Người mua trả tiền trước	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Công ty TNHH TM&SX Đồ Quyền	23.080.016	-
Phạm Bích Thuý	39.913.649	2.051.397
Công ty TNHH Thương mại Hưng Thịnh	952.290	5.654.976
Công ty TNHH Thương mại Hà Thành	-	6.197.262
DNTN Linh Phương	37.622.441	-
Công ty TNHH Phú Phương	1.176.505	3.615.054
DNTN Văn Khánh	1.557.627	28.681.660
Công ty TNHH Hoàng Linh	26.311.005	4.723.131
DNTN Oanh Sơn	39.383.226	-
Công ty TNHH TM DV Phương Linh	43.249.364	-
Trần Thị Dung - Ninh Bình	24.320.757	-
Công ty CP TM DV Hà Châu	-	84.088.254
Công ty TNHH TM Trung Hậu	-	28.494.395
Các đối tượng khác	310.649.351	269.919.723
Tổng cộng	548.216.231	433.425.852
Chi phí bán hàng	Năm 2007	Năm 2006
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	15.923.356.100	24.518.366.566
Chi phí tài trợ	1.227.236.363	2.853.391.459

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
 (tiếp theo)

Chi phí trưng bày	688.767.000	5.874.191.317
Chi phí phân phối	16.789.207.049	12.096.678.383
Chi phí bán hàng kênh ST, TH	1.199.682.223	515.260.780
Chi phí khác kênh ST, TH	1.158.477.833	395.192.971
Chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm ...	13.736.088.566	8.136.937.651
Tổng cộng	50.722.815.134	54.390.019.127
0. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2007	Năm 2006
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.885.869.240	2.723.507.532
Chi phí vật liệu quản lý	724.134.395	199.569.878
Chi phí đồ dùng văn phòng	287.234.976	277.762.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	856.520.094	200.834.510
Thuế, phí lệ phí	115.976.842	475.021.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.598.827.943	1.917.708.711
Chi phí bằng tiền khác	1.354.994.674	1.423.508.385
Tổng cộng	7.823.558.164	7.217.912.647
11. Thu nhập khác	Năm 2007	Năm 2006
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	716.980.091	567.734.762
Thu phạt vi phạm quy chế Công ty	16.448.107	407.011.747
Thu tiến bồi thường NVL giấy NK hỏng	1.134.089.233	-
Thu nhập khác	22.297.233	375.663.617
Tổng cộng	1.889.814.664	1.350.410.126
12. Chi phí khác	Năm 2007	Năm 2006
	VND	VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	762.216.091	589.557.653
Chi phí khác	-	27.973.790
Tổng cộng	762.216.091	617.531.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(tiếp theo)

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2006
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	49,20	38,24
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	50,80	61,76
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	36,15	42,64
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,85	57,36
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	2,77	2,35
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,49	1,18
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,17	0,10
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,90	2,18
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3,56	2,18
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,82	3,52
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,40	3,52

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty CP Sữa Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Quyển Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thu Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 01 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Trần Đăng Tuấn